

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 21 - 01 - 2021
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Phú Yên

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Viết Xuân – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Thông báo mở lại số 36/2020/QĐST-DS ngày 24/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: SN 60, tổ 10, khu dân cư P, phường P, thị xã Phú thọ, tỉnh Phú Thọ (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Luật sư Lê Hữu L, thuộc Công ty Luật hợp danh Hùng Vương – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: SN 164, phố M, phường T, T phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Tiến T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: SN 26, khu dân cư T, phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Toà án, bà Bùi Thị Kim T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với anh Lê Tiến T nên từ năm 2012 tôi đã cho anh T vay tiền để làm ăn buôn bán nhiều lần, cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Ngày 14/10/2012 anh T vay 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng)

Lần 2: Ngày 04/4/2013 anh T vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)

Lần 3: Ngày 14/8/2013 anh T vay 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

Lần 4: Ngày 14/10/2013 anh T vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Lần 5: Ngày 30/10/2013 anh T vay 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

Lần 6: Ngày 26/02/2014 anh T vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

Tổng cộng anh Lê Tiến T đã vay của tôi tiền gốc là 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi suất theo thỏa thuận là 1%/ 1 tháng. Sau mỗi lần vay tiền, anh T đều viết giấy nhận nợ cho tôi nhưng trong giấy biên nhận không ghi lãi suất. Anh T đã trả lãi cho tôi đến hết tháng 12/2018. Kể từ đó đến nay anh T không trả thêm cho tôi được số tiền gốc và tiền lãi. Tôi đã đến đòi nhiều lần nhưng anh T cố tình không trả. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Tiến T phải trả cho tôi số tiền gốc 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi tính lãi suất 1%/1 tháng kể từ tháng 01/2019 cho đến nay.

- Phía bị đơn anh Lê Tiến T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 10/9/2020 và biên bản hòa giải ngày 06/10/2020 tại Tòa án anh Lê Tiến T đã trình bày: Anh thừa nhận có vay của bà Bùi Thị Kim T số lần và số tiền như bà T trình bày là đúng. Sau khi vay tiền do làm ăn thua lỗ nên anh chưa trả được nợ cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh trả nợ 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) anh nhất trí nhưng xin được trả dần, cụ thể như sau:

Ngày 30/01/2021 trả 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 30/4/2021 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Ngày 30/7/2021 trả 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng)

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại biên bản hòa giải T ngày 06/10/2020 bà T và anh T đã thống nhất được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Cụ thể: Anh Lê Tiến T có trách nhiệm trả nợ cho bà Bùi Thị Kim T tổng số tiền gốc là 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) làm 03 lần như sau:

Ngày 30/01/2021 trả 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Ngày 30/4/2021 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)

Ngày 30/7/2021 trả 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng)

Sau khi hòa giải T, đến ngày 08/10/2020 anh Lê Tiến T có đơn xin thay đổi nội dung biên bản hòa giải T ngày 06/10/2020 với lý do: Anh thừa nhận có vay của bà Bùi Thị Kim T 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc, nhưng sau khi vay anh đã trả cho bà T được số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu

đồng) nên anh chỉ còn nợ của bà T số tiền là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng); anh sẽ cung cấp các tài liệu, chứng cứ về việc trả nợ cho Tòa án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 08/10/2020. Căn cứ nội dung đơn xin thay đổi của anh Lê Tiến T, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu anh T giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về việc anh đã trả nợ cho bà T nhưng anh T không có tài liệu chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn ông Lê Hữu L nhất trí với lời trình bày và yêu cầu của bà T như trên ông không trình bày bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa bà Bùi Thị Kim T vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu anh Lê Tiến T phải trả cho bà số tiền 440.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính theo lãi suất 1%/ 1 tháng kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi Tòa án xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Bùi Thị Kim T và anh Lê Tiến T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự đều cư trú tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 24/12/2020, bị đơn anh Lê Tiến T đã được tổng đạt Quyết định xét xử số 08/2020/QĐST ngày 14/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ tỉnh Phú Thọ hợp L nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 11/TB-TA ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho anh T nhưng không thể tổng đạt trực tiếp cho anh T được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo trên hợp L nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, anh T không đến Tòa, có nghĩa anh T đã từ chối quyền được trình bày tại Tòa và không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Tiến T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa các bên thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự năm

2015 thì cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Anh T có vay tiền của bà T 6 lần tổng số tiền là 440.000.000đ lãi xuất thỏa thuận bằng miệng không ghi vào giấy nhận tiền là có thật được thể hiện ở các giấy vay tiền (ngày 14/10/2012, ngày 04/4/2013, ngày 14/8/2013, ngày 14/10/2013, ngày 30/10/2013, ngày 26/02/14). Kể từ ngày vay cho đến nay bà T đã yêu cầu anh T phải trả nợ cho bà nhưng anh T không trả. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Tiến T cũng thừa nhận đã vay của bà T 440.000.000 đồng tiền gốc như bà T trình bày là đúng. Tại biên bản hòa giải T ngày 08/10/2020 bà T và anh T đã thống nhất anh T có trách nhiệm trả nợ cho bà T 440.000.000 đồng, nhưng sau đó anh T có đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận vì anh cho rằng anh đã trả cho bà T được 220.000.000 đồng nên chỉ còn nợ 220.000.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc trả nợ số tiền 220.000.000 đồng cho bà T nên nội dung đơn xin thay đổi nội dung biên bản hòa giải T của anh T là không có căn cứ. Do vậy, việc bà T khởi kiện yêu cầu anh T phải trả cho bà 440.000.000 (Bốn trăm bốn mươi triệu) đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận

Xét về lãi suất số tiền vay: Bà T yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 440.000.000đ, kể từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử theo lãi suất 1%/1 tháng, tuy nhiên tại các giấy nhận nợ không thể hiện thời hạn trả và lãi suất nhưng bà T đã thừa nhận anh T đã trả lãi cho bà đến ngày 31/12/2018 với lãi suất là 1%/1 tháng. Vì vậy, bà T yêu cầu anh T phải trả lãi suất 1%/1 tháng kể từ ngày 01/01/2019 cho đến khi xét xử là hoàn toàn phù hợp với pháp luật cần được chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, cần buộc anh Lê Tiến T phải chịu lãi đối với khoản tiền vay 440.000.000 đồng tiền gốc x 1%/ tháng x 24 tháng 20 ngày = 108.533.000 đồng (Một trăm linh tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi anh T phải trả cho bà T là: 440.000.000 đồng + 108.533.000 đồng = 548.533.000đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng)

[3] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Tiến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 473, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1/. Xứ: Buộc anh Lê Tiến T phải trả cho bà Bùi Thị Kim T 440.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 108.533.000 đồng (Một trăm linh tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi anh T phải trả cho bà T là 548.533.000đ (Năm trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0002525 ngày 07/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ.

Anh Lê Tiến T phải chịu 25.941.000 đồng (Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Lưu HS;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà

